

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

Chương 8 nghiên cứu các vấn đề sau:

- Đối tượng, nhiệm vụ và mục đích của BVMT
- Quan hệ giữa phát triển với môi trường
- Sự cấp thiết của bảo vệ môi trường
- Những hoạt động cực đoan của nông - lâm - ngư nghiệp
- Bảo vệ thực vật và động vật
- Bảo vệ rừng

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

8.1. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA BẢO

8.1.1. Khái niệm về BVMTNLN

- Đó là một hệ thống các biện pháp (nông học, lâm học, thủy lợi, tuyên truyền - giáo dục, hợp tác quốc tế...) nhằm mục đích:

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- a. điều chỉnh mối quan hệ hợp lý giữa con người và môi trường xung quanh;
- b. đảm bảo gìn giữ và khôi phục tài nguyên thiên nhiên;
- c. sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên;
- d. dự báo và phòng chống những ảnh hưởng có hại trực tiếp hoặc gián tiếp trong hoạt động sống của con người đến môi trường.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

8.1.2. Đối tượng bảo vệ môi trường nông lâm nghiệp

- Tất cả các yếu tố tự nhiên và nhân tạo có ảnh hưởng xấu trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sống của con người và các thành phần cấu thành hệ sinh thái nông nghiệp và lâm nghiệp.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Những thành cần bảo vệ bao gồm:
 - ✓ Đất
 - ✓ Nước
 - ✓ không khí
 - ✓ các loài thực vật và động vật hoang dã quý hiếm, có giá trị cao về kinh tế và đang có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

8.1.3. Những nhiệm vụ bảo vệ MTNLN

1. Nghiên cứu tối ưu hóa sự tác động của con người đến tự nhiên nhằm khai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý và có hiệu quả cao nhất.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

2. Nghiên cứu cải tiến các máy móc và hoàn thiện quá trình sản xuất nhằm tiết kiệm năng lượng và làm giảm ô nhiễm môi trường.
3. Tìm kiếm những vật liệu và nguồn năng lượng ít gây độc hại cho môi trường.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

4. Giảm những thất thoát tài nguyên nông-lâm nghiệp và các tài nguyên khác trong khi khai thác, chế biến và sử dụng.
5. Thành lập những khu vực cấm (khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu tưởng niệm tự nhiên và di tích lịch sử...) nhằm mục đích nghiên cứu bảo tồn và phục hồi những giống cây - con quý, hiếm và có giá trị cao về kinh tế.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

6. Xây dựng và phát triển những vành đai cây xanh, các rừng công viên và mảng xanh xung quanh các thành phố và khu dân cư nhằm tạo ra cảnh quan đẹp và cải thiện điều kiện môi trường sống có lợi cho con người cả về văn hóa lẫn tinh thần.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

7. Nghiên cứu những biện pháp tổng hợp để bảo vệ các nguồn tài nguyên thực vật và động vật quý hiếm, tài nguyên nước, đất và không khí.
8. Một nhiệm vụ rất quan trọng là nghiên cứu những biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí...) gây ra bởi những chất thải trong hoạt động sống của con người và những quá trình tự nhiên...

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

8.1.4. Mục đích bảo vệ MTNLN

1. Đảm bảo năng suất cao và ổn định cho các hệ sinh thái (rừng, đồng ruộng, thủy vực...).
2. Đảm bảo sử dụng một cách đầy đủ và hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

3. Làm giảm đến mức thấp nhất những ảnh hưởng xấu của con người và những nhân tố tự nhiên đến sinh quyển và các hệ sinh thái riêng biệt.
4. Phòng chống ô nhiễm môi trường.
5. Nghiên cứu phục hồi và phát triển không chỉ những giống cây - con quý hiếm và đang có nguy cơ tuyệt chủng, mà còn cả những loài thực vật và động vật có giá trị kinh tế cao.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

8.1.5. Vai trò bảo vệ MTNLN

1. Mang lại hiệu quả phát triển tốt về kinh tế trước mắt cũng như lâu dài.
2. Tạo ra những điều kiện thuận lợi cho lao động, nghỉ ngơi và nâng cao sức khoẻ con người.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

8.1.6. Nội dung bảo vệ môi trường

1. Thực hiện kiểm soát có hệ thống của nhà nước và liên quốc gia bằng pháp luật đối với tất cả các dạng ô nhiễm môi trường do hoạt động nông - lâm nghiệp gây ra.
2. Xây dựng những khu vực cấm, khu vui chơi giải trí trong khuôn khổ một chính sách xã hội nhằm thoả mãn các nhu cầu của con người.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

3. Tuyên truyền, giáo dục cho mọi người về giá trị của các khu dự trữ để mọi người có ý thức bảo vệ và làm giàu tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

8.1.7. QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN VỚI MÔI TRƯỜNG

(1) Phát triển kinh tế – xã hội

- Đó là một quá trình nâng cao điều kiện về vật chất và tinh thần của con người thông qua sự phát triển lực lượng sản xuất, thay đổi quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội, nâng cao chất lượng hoạt động văn hoá.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Mục tiêu của phát triển kinh tế – xã hội
 - Nâng cao mức sống vật chất (lương thực, nhà ở, năng lượng, vật liệu...), sức khoẻ và tinh thần (giáo dục, văn hoá nghệ thuật, bình đẳng xã hội, tự do chính trị) cho con người.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Mục tiêu phát triển được xác định tùy thuộc vào hoàn cảnh kinh tế – xã hội, chính trị, truyền thống lịch sử riêng của mỗi quốc gia.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Theo Ngân hàng thế giới, thành phần cực nghèo (thu nhập ≤ 1 USD/ngày) tăng từ 1,2 tỷ (1987) lên 1,5 tỷ (2000) và dự kiến sẽ là 1,9 tỷ vào năm 2015.
- Chính sự chênh lệch lớn về trình độ phát triển giữa các nước giàu và nghèo đã gây ra tình trạng bất ổn cho nền kinh tế thế giới.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Có ba mô hình chiến lược phát triển

a. Mô hình phát triển cổ điển kiểu mới

- Mô hình này lấy cơ chế thị trường kế hoạch hoá theo sở hữu tư nhân, tích lũy vốn bằng tiết kiệm từ trong nước và thu hút vốn từ nước ngoài.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- b. Mô hình cấu trúc kinh tế theo kinh tế học Mác – xít có cải tiến dựa trên nguyên tắc “Kế hoạch hoá phát triển một cách tập trung, lực lượng sản xuất do nhà nước sở hữu, nhà nước thống nhất quản lý về kinh tế, tiến hành cải cách về cấu trúc và cơ chế xã hội xã hội chủ nghĩa”.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

c. Mô hình cấu trúc tư bản chủ nghĩa

- Mô hình này xây dựng theo chủ trương kế hoạch hoá phát triển kinh tế, duy trì sở hữu tư nhân và cơ chế thị trường tự do, thực hiện cải cách về cấu trúc và thể chế kinh tế.
- ✓ Cải cách ruộng đất, tăng cường sự kiểm tra và quản lý của nhà nước đối với công nghiệp, xây dựng một số xí nghiệp quốc gia làm chủ lực cho nền kinh tế, chú ý tới sự cân bằng trong phân phối các thành quả của sự phát triển kinh tế.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Nói chung, cả ba mô hình phát triển này đều không đưa lại kết quả tốt.

❖ Nguyên nhân:

- (1) Giữa các quốc gia có sự phụ thuộc lẫn nhau trong phát triển.
- (2) Chủ trương phát triển được áp đặt từ các cơ quan cấp cao, nên không phù hợp với người lao động có thu nhập thấp.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

(2) Quan hệ giữa phát triển với môi trường

- Môi trường là tổng hợp các điều kiện sống của con người.
- Phát triển là quá trình cải tạo và cải thiện các điều kiện sống.
- ❖ Vì thế, phát triển kinh tế – xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với môi trường.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

Chứng minh:

- Môi trường là nguồn thỏa mãn những nhu cầu về vật chất và tinh thần cơ bản của con người.
- Toàn bộ sự sống, các hoạt động sản xuất và sự hiểu biết của con người tồn tại trên cơ sở vật chất tự nhiên, tác động tương ứng với các quy luật của tự nhiên.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Trong mỗi liên hệ này, con người là một bộ phận không thể tách rời của tự nhiên.
- Song, khi được xây dựng trên cơ sở vật chất của tự nhiên, sử dụng các quy luật của tự nhiên, con người có bản chất xã hội riêng.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Sản xuất vật chất liên kết con người với tự nhiên và cũng tách con người ra khỏi tự nhiên.
- Tuy vậy, trong một xã hội luôn tồn tại song song hai hệ thống: hệ thống kinh tế – xã hội và hệ thống môi trường.

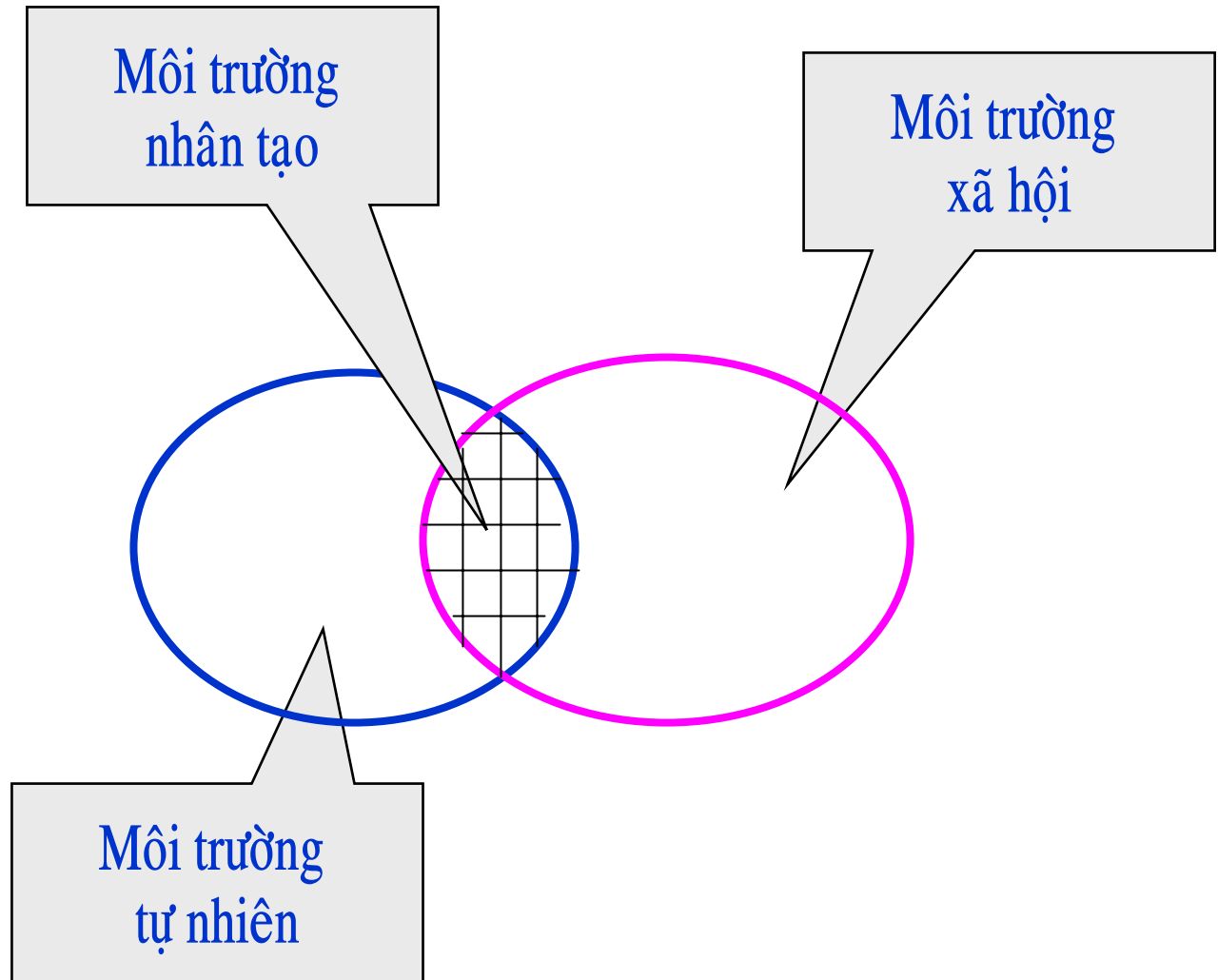
Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Hệ thống kinh tế – xã hội cấu thành bởi các thành phần sản xuất, lưu thông phân phối, tiêu dùng và tích lũy.
- Các thành phần này tạo nên một dòng nguyên liệu, năng lượng, sản phẩm hàng hoá và các phế thải trao đổi (lưu thông) qua lại với nhau.

■ Hệ thống môi trường bao gồm:

✓ môi trường tự nhiên;

✓ môi trường xã hội.



Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- ✓ Vùng giao nhau giữa hai hệ thống môi trường tự nhiên và môi trường xã hội được gọi là **môi trường nhân tạo** – đó là kết quả tích lũy các hoạt động tiêu cực và tích cực của con người trong quá trình phát triển trên địa bàn môi trường.
- ✓ Chính khu vực giao nhau này thể hiện tất cả mối quan hệ giữa phát triển với môi trường.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Môi trường tự nhiên vừa cung cấp tài nguyên cho hệ kinh tế vừa tiếp nhận những chất thải từ hệ kinh tế.
- Một số chất thải có thể được tái chế.
- Một số khác ở lại trong môi trường và có thể gây tổn hại cho môi trường tự nhiên.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Thiên nhiên là nguồn tài nguyên và phúc lợi cho con người, nhưng cũng đồng thời là nguồn gây ra các thiên tai, thảm họa cho con người.
- Ngày nay, ở các nước phát triển xảy ra hiện tượng “ô nhiễm do thừa thãi”, còn ở các nước nghèo xảy ra hiện tượng “ô nhiễm do nghèo đói”.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Sự phát triển kinh tế – xã hội đã đem lại cho con người cuộc sống tốt hơn, nhưng đồng thời cũng xảy ra tình trạng suy giảm và cạn kiệt nhiều nguồn tài nguyên, môi trường sống bị biến đổi sâu sắc và đang tác động xấu trở lại đối với sự phát triển và đời sống con người

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Sự phát triển của lực lượng sản xuất đã làm nâng cao các nguồn vật chất. Nhưng nó cũng làm tăng những tác động của con người đến môi trường tự nhiên.
- Quá trình này sẽ dẫn đến làm biến đổi sâu sắc môi trường tự nhiên.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Chính vì thế, cộng đồng thế giới đã nhận thấy rằng:
 - + Việc phát triển kinh tế – xã hội phải hướng vào việc khai thác, chế biến, sử dụng các nguồn tài nguyên và môi trường một cách có hiệu quả, mà vẫn tránh được sự phá hủy khả năng tái tạo của các nguồn tài nguyên.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Nói một cách khác, loài người phải đảm bảo giữ được sự cân bằng giữa phát triển kinh tế – xã hội với bảo vệ môi trường.
- Hình thức phát triển kinh tế – xã hội có tính đến yếu tố môi trường được gọi là sự phát triển lâu bền hay bền vững.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

8.1.8. Nhiệm vụ của bảo vệ môi trường NLN:

- (1) Nghiên cứu sự tương tác qua lại giữa con người với môi trường.
- (2) Nghiên cứu những quy luật của tự nhiên.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Những hiểu biết ấy sẽ cho phép:
 - ✓ Xây dựng những biện pháp để ngăn ngừa những hậu quả xấu xảy ra do hoạt động của con người.
 - ✓ Xây dựng các biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
 - ✓ Tác động tích cực đến môi trường để thoả mãn nhu cầu của con người.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

8.2. SỰ CẤP THIẾT CỦA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Môi trường xung quanh đang bị biến đổi sâu sắc.
2. Môi trường và con người là một thể thống nhất, bao gồm những đối tượng và hiện tượng tự nhiên (khí hậu, đất đai, sinh vật) hoạt động trong mối quan hệ chặt chẽ với các hoạt động của con người.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Thể thống nhất này biểu hiện ở chỗ sự thay đổi của bất kỳ yếu tố nào cũng ảnh hưởng đến các yếu tố khác và dẫn đến biến đổi.
- Những biến đổi này có thể là kết quả của các quá trình tự nhiên hoặc hoạt động của con người.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

3. Sinh quyển đang bị thoái hoá và môi trường sinh thái bị khủng hoảng.
4. Môi trường sống đang bị ô nhiễm.
5. Tài nguyên sinh vật và tài nguyên rừng bị cạn kiệt.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- 6. Tài nguyên đất đang bị suy giảm.
- 7. Tài nguyên nước ngọt bị suy giảm và ô nhiễm.
- 8. Khí hậu đang thay đổi và gây ra nhiều hậu quả xấu.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

8.3. NHỮNG BIỂU HIỆN CỰC ĐOAN CỦA HOẠT ĐỘNG NÔNG - LÂM - NGƯ NGHIỆP

8.3.1. Hoạt động nông - lâm nghiệp

1. Sử dụng các phương thức canh tác không phù hợp với điều kiện môi trường sinh thái của từng địa phương.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Ví dụ:

- (1) Khai thác trắng các khu rừng phân bố trên các sườn dốc, trên đất có thành phần cơ giới nhẹ.
- (2) Độc canh một vài loài cây trên cùng một khoảnh đất...

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

2. Cày xới và xử lý vật liệu sau khi khai thác rừng trên các đất dốc không hợp lý.
3. Tách rời các kỹ thuật riêng lẻ, không xem thiên nhiên là một khối thống nhất, không phối hợp một cách hợp lý các phương thức canh tác...

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

4. Tưới nước và bón phân không đúng theo nhu cầu của cây trồng.

Ví dụ:

- Tưới nước quá ẩm, bón quá nhiều phân nhất là phân hóa học gây ra sự dư thừa chất dinh dưỡng...

o Kết quả

- ✓ tạo điều kiện phát sinh các bệnh hại lúa và cây trồng,
- ✓ làm ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí;
- ✓ gây bệnh cho người và vật nuôi...

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

5. Khai thác kiệt đất, không để đất có thời gian nghỉ...
6. Sử dụng quá nhiều thuốc diệt trừ dịch bệnh. Kết quả dẫn đến sự ô nhiễm môi trường, làm chết nhiều sinh vật có ích (*tảo lam cố định đạm, động vật nhuyễn trùng, côn trùng có ích...*).
7. Nhập một số sinh vật có hại. Kết quả có ảnh hưởng xấu đến cây trồng và vật nuôi.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

8. Sử dụng phương thức khai thác trắng đối với các rừng phân bố trên đất dốc, đất có thành phần cơ giới nhẹ, nhiều cát, thiếu ẩm và các rừng ngập mặn ven biển...
9. Khai thác kiệt các loại rừng già và các loài cây quý hiếm, tạo ra độ che phủ của rừng không hợp lý.

■ Kết quả

- gây ra xói mòn đất
- làm thoái hóa đất và rừng
- làm giảm tính đa dạng sinh học
- làm mất khả năng tự khôi phục của rừng
- làm cạn kiệt nguồn nước
- làm tăng hiệu ứng nhà kính và gây ra sự thay đổi khí hậu toàn cầu...

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

10. Khai thác và săn bắn quá mức các loài cây, chim và thú rừng.
11. Quy hoạch vùng canh tác cây nông - lâm nghiệp chưa hợp lý.
12. Xây dựng một số hệ thống thủy lợi chưa hợp lý. Kết quả gây ra hiện tượng chua hóa và mặn hóa nhiều vùng đất...

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

8.3.2. Hoạt động ngư nghiệp

- a. Khai thác không hợp lý các loài thủy sản...
- b. Dùng các phương tiện khai thác không có lợi cho môi trường và sự sống của các loài cá, tôm...
- c. Quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản chưa đúng, phá hoại cả môi trường nuôi dưỡng tôm cá.
- d. Đưa vào môi trường nước quá nhiều thức ăn cho tôm cá.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

NHỮNG HOẠT ĐỘNG QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Có hai hình thức hợp tác quốc tế:
- Những công ước và hiệp ước quốc tế về các vấn đề bảo vệ môi trường xung quanh và sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên.
- Sự tham gia trong hoạt động của các tổ chức quốc tế về bảo vệ môi trường thiên nhiên.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Hiệp ước về vấn đề bảo vệ động vật (Paris, 1950).
- Hội nghị về ngăn chặn sự nhiễm bẩn biển (năm 1954)
- Hiệp ước Moskva (năm 1963) về cấm thử các loại vũ khí hạt nhân.
- Hiệp ước Iran (năm 1971) về bảo vệ và nghiên cứu các nơi nghỉ và trú đông của các loài thú sống dưới nước.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Hội nghị về giáo dục môi trường với mục tiêu “Tăng cường nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường không khí, cải thiện cuộc sống, gìn giữ những di sản tự nhiên và văn hóa, bao gồm cả thực vật, động vật và nơi ở của chúng” (Tbilisi, 1977).

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Năm 1980 Liên Hợp Quốc đã công bố bản “*Chiến lược bảo vệ toàn cầu*”.
- Nội dung:
 - ✓ Nhấn mạnh con người là một bộ phận của tự nhiên.
 - ✓ Con người sẽ không có tương lai nếu thiên nhiên và các tài nguyên không được bảo vệ.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Mục tiêu của chiến lược bảo vệ toàn cầu là bảo vệ để phát triển bền vững.
- ✓ Bảo vệ ở đây mang ý nghĩa tích cực – đó là bảo quản duy trì, sử dụng lâu dài, phục hồi và cải thiện môi trường xung quanh.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

 Có ba mục tiêu:

- Phải duy trì các quá trình sinh thái quan trọng của các hệ thống đảm bảo sự sống (đồng ruộng, rừng, hệ sinh thái ven biển và nước ngọt).
- Phải bảo tồn tính đa dạng về di truyền.
- Phải sử dụng lâu dài các loài và các hệ sinh thái.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Tháng 6 năm 1992, Hội nghị quốc tế về môi trường lần thứ II tại Rio de Janeiro (Braxin) đã thông qua “Chương trình kế hoạch hành động của Liên Hợp Quốc lần thứ 21 về môi trường và sự phát triển trong thế kỷ XXI”.
- Chương trình này mang tên “Hãy cứu lấy trái đất”.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Những tổ chức quốc tế hoạt động về môi trường
- Tổ chức về các vấn đề giáo dục, khoa học và văn hóa (UNESCO).
- Chương trình môi trường của Liên Hiệp Quốc (UNEP).
- Quỹ nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEP).

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Tổ chức lương thực và nông nghiệp (FAO).
- Tổ chức y tế thế giới (WHO).
- Chương trình phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNDP).
- Ngân hàng quốc tế về tái xây dựng và phát triển (IBRD)
- Hiệp hội bảo vệ thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên (IUCN).

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Quỹ bảo vệ thiên nhiên quốc tế (WNCF).
- Hội đồng quốc tế các hội khoa học (ICSU).
- Liên hiệp thanh niên quốc tế về nghiên cứu và bảo vệ môi trường (IYE).
- Hiệp hội quốc tế về sinh thái nhiệt đới (ISTE)...

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM
- Mục đích:
 - ✓ Làm thoả mãn những nhu cầu thiết yếu về đời sống vật chất và tinh thần cho mọi người dân hiện nay và các thế hệ mai sau thông qua việc quản lý khôn khéo các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

❖ Nội dung:

- Xác định những chủ trương, chính sách, các chương trình và kế hoạch hành động để sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên phù hợp với sự nghiệp phát triển kinh tế của nước ta.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- **Nhiệm vụ:**
- Duy trì các quá trình sinh thái chủ yếu và các hệ thống sống có ý nghĩa quyết định đến đời sống con người.
- Đảm bảo sự giàu có các nguồn gen của những loài sinh vật đang nuôi trồng cũng như những loài sinh vật hoang dã.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Đảm bảo sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên, điều khiển việc sử dụng chúng trong giới hạn có thể phục hồi.
- Đảm bảo chất lượng môi trường phù hợp với yêu cầu về đời sống và sức khỏe của con người.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Phấn đấu đạt tới trạng thái ổn định dân số ở mức cân bằng với khả năng cung cấp và sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên.

Chương 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

- MỐI QUAN HỆ CỦA GIỮA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM NGHIỆP VỚI CÁC KHOA HỌC KHÁC
 1. Sinh thái học (rừng, đồng ruộng...).
 2. Thực vật, động vật.
 3. Đất, khí tượng - thủy văn.
 4. Kỹ thuật nông - lâm học...

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- NỘI DUNG

1. Ý nghĩa của thực vật và động vật

2. Tài nguyên thực vật & động vật hoang dã

3. Sử dụng hợp lý và bảo vệ thực vật

4. Sử dụng hợp lý và bảo vệ động vật

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

8.4.1. TÀI NGUYÊN THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

- Thế giới
 - 13 - 14 triệu loài sinh vật
 - Đã biết hơn 1,75 triệu loài

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- ✓ 5.700 loài vi sinh vật
- ✓ 1.020.560 loài động vật không xương sống
- ✓ 322.311 loài cây
- ✓ 9.056 loài cá
- ✓ 9.040 loài chim
- ✓ 11.757 loài bò sát lưỡng cư
- ✓ 4.000 loài thú...

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- ✓ 80.000 loài cây lương thực và thực phẩm; trong đó đã khai thác và sử dụng: 1.500 loài.
- ✓ 5.000 loài cây thuốc (> 40 tỷ đôla/năm).

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

Việt Nam

- 12.000 loài cây; trong đó:
 - 1.100 loài cây cho gỗ
 - 500 loài cho tinh dầu (160 loài có giá trị kinh tế cao)
 - 260 loài cho dầu béo (Cọ dầu, Trầu, Thầu dầu...)
 - 600 loài cho tanin
 - 1.000 loài cây thuốc và hoa quả ăn được...

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Động vật trên cạn bao gồm 300 loài thú
- ✓ Một số loài rất quý như voi, hổ, gấu, bò tót, sơn dương, nai...
- 80 loài lưỡng cư
- Hàng ngàn loài chim...

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Nguy cơ diệt vong của sinh vật
 - ✓ 50 năm qua có 600.000 loài đã bị tiêu diệt.
 - ✓ 2/3 số loài đang tồn tại cũng bị suy thoái.
 - ✓ 5.200 loài động vật đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng.
 - ✓ 60.000 loài cây có thể bị tiêu diệt trong vòng 25 năm tới.
 - ✓ Mỗi ngày có 19 loài bị biến mất

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

Nguyên nhân

- Khai phá rừng bừa bãi
- Săn bắn
- Khai thác mỏ
- Cháy rừng
- Chuyển đổi đất
- Làm giao thông & đô thị

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

8.4.2. SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

(1) Ý nghĩa của hệ thực vật

- Thực vật có hai chức năng:

- Sản xuất ra chất hữu cơ sơ cấp từ CO_2 , H_2O và chất khoáng.
- Cố định CO_2 và thải ôxy tự do vào không khí.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Xác thực vật là nguồn sống của các sinh vật phân hủy
- Nguyên liệu hết sức quý giá
- Nguồn gen hết sức phong phú.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

(2) Đặc trưng của hệ thực vật ở Việt Nam

a. Thành phần loài cây phong phú và phức tạp

Thật vậy:

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Ngành thực vật hạt kín (ngành Mộc Lan - *Mangnoliaphyta*) có 8.500 loài thuộc 2050 chi;

trong đó:

- o lớp mộc lan 1590 chi với 6300 loài
- o lớp hành có 640 chi và 2200 loài

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Ngành hạt trần có 39 loài thuộc 8 họ, trong đó chi vạn tuế (Cycas) có 8 loài.
- Ngành dương xỉ có 600 loài thuộc 42 họ.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

b. Nhiều chi và loài thuộc thời đại cổ sinh và trung sinh

- Quyết thực vật thuộc kỷ Thạch Thảm và Nhị Diệp (thời kỳ cổ sinh).
- Tuế (*Cyras balansae*), Chi Thông (*Pinus*), Chi Thông nước (*Glyptostrobus*), Chi Bách xanh (*Calocedrus*), Chi Kim giao (*Podocarpus*) như Kim giao (*Podocarpus fleuryi*) xuất hiện từ kỷ Bạch Phấn hoặc Jura.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

c. Nhiều loài cây mang tính chất nhiệt đới và á nhiệt đới

- Những họ điển hình cho vùng nhiệt đới

- ✓ Họ Dầu (*Dipterocarpaceae*)

- ✓ Họ Tre (*Bambusoideae*)

- ✓ Họ Cà phê (*Rubiaceae*)...

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Những họ điển hình cho vùng á nhiệt đới
 - ✓ Hồ đào (*Juglandaceae*)
 - ✓ Họ Du (*Ulmaceae*)
 - ✓ Họ Hoa Hồng (*Rosaceae*)...

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- d. Nhiều loài cây đặc hữu (50% số loài cây).
- e. Hình thái (thân, lá, hoa, quả...) rất đa dạng, thân cây có bạnh vè, có hoa mọc trên thân.
- f. Nhiều thực vật có giá trị cao về dược liệu và mỹ phẩm...

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

(3) Sử dụng & bảo vệ thực vật

- Nhận thức chung

- o Bảo vệ cây trồng, vật nuôi và rừng là một bộ phận của bảo vệ môi trường thiên nhiên.
- o Không thể bảo vệ được tất cả các loài cây cùng một lúc.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Nguyên tắc chung:

- ✧ Những họ có 1 chi và 1 loài phải được ưu tiên cao hơn các họ có nhiều chi và nhiều loài.

- ✧ Những loài, chi, họ đặc hữu và có khu phân bố hẹp cần được ưu tiên bảo tồn cao hơn những loài có khu phân bố rộng.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- ∞ Những loài, chi bị đe dọa tiệt chủng ở mức cao được ưu tiên bảo tồn cao hơn những loài ít bị đe dọa.
- ∞ Những loài có ích, có giá trị sử dụng cao được ưu tiên bảo tồn cao hơn những loài chưa hiểu rõ giá trị.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Phân chia các mức độ ưu tiên bảo vệ
- 5 cấp:
 1. **Rất nguy cấp** (kí hiệu = E - Endangered) - đó là những taxon đang có nguy cơ bị tiêu diệt.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

2. **Nguy cấp** (kí hiệu V - Vulnerable) - đó là những loài đang gặp những nhân tố bất lợi, số lượng và khu phân bố đang bị suy giảm.
3. **Hiếm** (kí hiệu R - Rare) – những taxon thực vật nhỏ và phân bố hẹp, đang có nguy cơ bị đe dọa.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

4. **Bị đe dọa** (kí hiệu T - Threatened) - taxon thực vật thuộc một trong ba cấp trên nhưng chưa đủ căn cứ xác định.
5. **Thoát hiểm** (kí hiệu O - Out of danger) - taxon thực vật được bảo vệ chu đáo, tránh được sự suy giảm về số lượng và khu phân bố.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- IUCN/UNEP/WWP (1980) đã đưa ra 9 mức độ ưu tiên như sau:

		Phân cấp mức độ ưu tiên bảo vệ:		
		Hiếm (R)	Nguy cấp (V)	Rất nguy cấp (E)
Khối lượng mất	Họ	4 - vừa	2 - cao nhất	1 - cao nhất
	Chi	7 - thấp nhất	5 - vừa	3 - cao nhất
	Loài	9 - thấp nhất	8 - thấp nhất	6 - vừa

Nguy cơ diệt vong

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Ngày 17 tháng 1 năm 1992 chính phủ Việt Nam đã ra nghị định số 18 về việc quy định danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm và chế độ quản lý bảo vệ chúng.
- Nghị định xếp thực vật thành hai nhóm lớn : IA và IIA.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Nhóm IA bao gồm những loài thực vật đặc hữu, có giá trị đặc biệt về khoa học và kinh tế, có số lượng và trữ lượng thấp, hoặc đang có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Danh mục một số thực vật rừng quý hiếm ở Việt Nam

I. Nhóm IA

Tên Việt Nam

1. Bách xanh
2. Thông đỏ
3. Phi ba mối
4. Thông tre
5. Thông pà cò
6. Thông nước
7. Thông Đà Lạt
8. Hình đá vôi
9. Sam bông
10. Sam lạnh
11. Trầm (Dó bầu)
12. Hoàng đàn
13. Thông 2 lá dẹt

Tên khoa học

- Calocedrus macrolepis* Kurz
Taxus chinensis Rehd
Cephanotaxus fortunei
Podocarpus neriifolius D. Don
Pinus kwangtungensis Chun
Glyptostropus pensilis K. Koch
Pinus datatensis De Ferré
Keteleeria calcarata Cheng
Amentotaxus argentea Pilg
Abies nukiangensis Cheng et Fu
Aquilaria crassna Pierre
Cupressus toharsa D. Don
Ducampopinus kraempfi A. Chev

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

2. Nhóm II A bao gồm những loài có giá trị cao về kinh tế, đang bị khai thác quá mức dẫn đến cạn kiệt và có nguy cơ tuyệt chủng.

Danh mục những loài có giá trị kinh tế cao, bị khai thác cạn kiệt và có nguy cơ tuyệt chủng

II. Nhóm II A

Tên Việt Nam

1. Cẩm lai
2. Cẩm lai Bà Rịa
3. Cẩm lai Đồng Nai
4. Cà te (Gỗ đỏ)
5. Gụ mật
6. Gụ lau
7. Giáng hương
8. Giáng hương cam bốt
9. Giáng hương mắt chim
10. Lát hoa
11. Lát da đồng
12. Lát chun
13. Trắc
14. Trắc dây
15. Trắc cẩm bốt

Tên khoa học

- Dalbergia oliverii* Gamble
Dalbergia bariaensis Pierre
Dalbergia dongnaiensis Pierre
Afzelia xylocarpa Craib
Sindora cochinchinensis H. Baill
Sindora torkinensis A. Chev
Pterocarpus pedatus Pierre
P. campodanus Pierre
P. indicus Willd
Chukrasia tabularis A. Juss
C. sp
C. sp
Dalbergia cochinchinensis Pierre
Dalbergia annamensis Chev
Dalbergia cambodiana Pierre

Danh mục những loài có giá trị kinh tế cao, bị khai thác cạn kiệt và có nguy cơ tuyệt chủng

II. Nhóm II A

Tên Việt Nam

16. Pơ mu

17. Mui

18. Mui sọc

19. Đinh

20. Sến mật

21. Nghiến

22. Lim xanh

23. Kim giao

24. Ba gạc

25. Ba xích

26. Bách hợp

27. Sâm ngọc linh

28. Sa nhân

29. Thảo quả

Tên khoa học

Fokiera hodginsii Herry et Thomas

Diospyros mun H.Lac

Diospyros. sp

Markhamia tierrei P.Dop

Madhuc a pasquieri H.K. Lam

Burretiodendron hsienmu Cuan et How

Erythrophloeum fordii Oliv

Podocarpus fleuryi Hickel

Ranworthia verticillata Baill

Merinda officinalis How

Lilium brownei var *colchesteri* Mils

Parax vietnamensis Hà et Gryshv

Amomum longiligulare L. Wa

Amomum tsoko Grevost et Lem

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Những biện pháp bảo tồn:
 - ✓ Tuyên truyền giáo dục về luật bảo vệ rừng.
 - ✓ Xây dựng chương trình ổn định và phát triển kinh tế vùng cao.
 - ✓ Giao đất, giao rừng cho dân tham gia quản lý bảo vệ.
 - ✓ Lập các trang trại nông - lâm nghiệp.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Cấm khai thác và gây hại cho các loài được bảo vệ trong vùng phân bố tự nhiên của chúng.
- Thiết lập những khu vực cấm.
- Xây dựng các quy trình kỹ thuật hợp lý và khoa học.
- Thực hiện bảo tồn nội vi (Insitu) và bảo tồn ngoại vi (Exsitu).

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

8.4.3. SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT

(1) Ý nghĩa của hệ động vật

a. Về sinh thái

- Một thành phần cấu thành hệ sinh thái.
- Ảnh hưởng đến tái sinh và hình thành thảm thực vật

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Điều chỉnh thành phần côn trùng và động vật gây hại.
- Tham gia tích cực vào sự chuyển hóa vật chất hữu cơ và hình thành đất.
- Làm sạch môi trường.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

b. Vai trò kinh tế của động vật

- Nguồn lâm sản.
- Nguồn dược liệu rất quý.
- Tiềm năng kinh tế lớn về xuất khẩu.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

(2) Quản lý bảo vệ động vật rừng

a. Tình hình chung

- Động vật cung cấp thực phẩm, vật liệu chế biến thuốc, vật liệu làm quần áo...
- Động vật có ý nghĩa thẩm mỹ và tạo ra cảm xúc tốt cho con người.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- Hệ động vật rừng của nước ta đã bị suy giảm nghiêm trọng.
- 100 loài chim và 20 loài bò sát có nguy cơ bị tuyệt chủng rất cao.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

b. Bảo vệ & phát triển động vật rừng

∞ Bảo tồn tính đa dạng về thành phần loài trong thiên nhiên.

∞ Bảo vệ tốt môi trường dinh dưỡng, các điều kiện sinh sản và con đường di trú của động vật.

8.4. BẢO VỆ THỰC VẬT & ĐỘNG VẬT

- ∞ Bảo tồn tính toàn vẹn của các quần xã động vật thiên nhiên.
- ∞ Sử dụng một cách khoa học, hợp lý.
- ∞ Điều chỉnh mật độ một cách hợp lý.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

8.5.1. TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Thế giới

∞ Hiện còn 3,837 Tỷ ha.

∞ Độ che phủ 29% diện tích lục địa.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Rừng lá kim ôn đới: 1.280 triệu ha (33%).
- Rừng mưa nhiệt đới và xích đạo: 2.557 triệu ha (67%).

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Phân bố rừng trên thế giới:

Địa phương	Diện tích, triệu ha:
+ Châu Âu	879 (22,9%)
+ Bắc Mỹ	656 (17,1%)
+ Mỹ La Tinh	890 (23,2%)
+ Châu Phi	801 (20,9%)
+ Châu Á	525 (13,7%)
+ Châu Đại Dương	86 (2,2%)

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Tính đến năm 2007, nước ta có 11,6 triệu ha rừng chiếm 35,2% tổng diện tích đất tự nhiên.
- Tổng trữ lượng gỗ: 591 triệu m^3 ; trong đó phân ra:
 - ✓ rừng tự nhiên = 581 triệu m^3 ,
 - ✓ rừng trồng = 61,0 triệu m^3 .
- Lượng tăng trưởng hàng năm: 1 triệu m^3 /năm.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Tốc độ mất rừng (1980 - 1990) là 200.000 ha/năm, trong đó 60.000 ha bị chặt phá để sản xuất lương thực, 50.000 ha bị cháy, còn lại là do khai thác gỗ củi.
- Tốc độ trồng rừng mới: 80.000 - 100.000 ha/năm

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Về thực vật, nước ta có trên 12.000 loài cây
- 800.000 ha rừng ngập mặn ven biển
- 1000 loài chim, hơn 300 loài bò sát, 300 loài thú
- ✓ Những loài quý hiếm như voi, bò tót, tê giác, bò rừng, bò xám, hổ, báo, hươu sao, hiêu xạ, nai cà tông, vượn, voọc cá, voọc đầu xám, voọc mũi hếch, sếu trụi cổ, cò quắm cánh xanh, rắn các loại, trăn, rùa biển...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Nguyên nhân suy giảm tài nguyên rừng
 - ✓ chiến tranh
 - ✓ chuyển đất rừng thành đất nông nghiệp
 - ✓ khai thác bừa bãi rừng và các khoáng sản
 - ✓ nông nghiệp du canh
 - ✓ khai thác gỗ củi không đúng kỹ thuật
 - ✓ cháy rừng
 - ✓ phát triển giao thông và đô thị hóa...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Hậu quả của mất rừng
 - Ảnh hưởng xấu đến môi trường sống.
 - ✓ Hạn hán
 - ✓ Lũ, lụt lớn ở đồng bằng
 - Gây thiệt hại lớn cả về kinh tế - xã hội: hàng trăm tỷ đồng
 - Nhiều loài cây và động vật quý có nguy cơ bị tuyệt chủng.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Tài nguyên rừng là có hạn
- Tăng cường tái sinh rừng.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

8.5.2. QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG

(1) Khái niệm về quản lý bảo vệ rừng

- **Quản lý bảo vệ rừng là một hệ thống các biện pháp** nhằm duy trì mối quan hệ qua lại hợp lý giữa con người và rừng, đảm bảo giữ gìn và khôi phục tài nguyên rừng, sử dụng hợp lý tài nguyên rừng, dự báo và phòng chống những ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp trong hoạt động sống của con người đến rừng và môi trường.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- **Quản lý rừng** bao gồm việc điều khiển cả đầu vào và đầu ra, cũng như mọi hoạt động trong lãnh thổ phân bố của rừng.
- **Bảo vệ rừng** chỉ là một mặt của quản lý rừng, bao gồm các nội dung về kiểm tra và phát hiện những ảnh hưởng bất lợi của các nhân tố tự nhiên và xã hội đối với rừng để có kế hoạch và biện pháp ngăn chặn một cách có hiệu quả nhất.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Quản lý bảo vệ rừng được phân biệt tùy theo loại rừng:
- Quản lý bảo vệ rừng phòng hộ ven biển
- ✓ Đó là một hệ thống các biện pháp nhằm duy trì và phát triển các dải rừng, các hệ sinh thái rừng ngập mặn và ngập phèn ven sông và biển.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Quản lý bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn
- Đó là một hệ thống các biện pháp bảo vệ, duy trì, phục hồi và phát triển rừng và đất rừng đầu nguồn nhằm thoả mãn các nhu cầu về lâm sản, văn hóa du lịch, khoa học, bảo vệ đất, duy trì và bảo vệ nguồn nước, điều hòa khí hậu...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Quản lý bảo vệ rừng phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái
- Đó là một hệ thống các biện pháp nhằm duy trì và phát triển các dải rừng bảo vệ môi trường, bảo vệ sản xuất nông nghiệp, duy trì cân bằng sinh thái và tạo ra điều kiện sống tốt hơn cho con người.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

(2) Nhiệm vụ và mục tiêu của quản lý bảo vệ rừng

- Nhiệm vụ của quản lý bảo vệ rừng là tìm kiếm những biện pháp tác động hợp lý đến hoàn cảnh rừng và rừng nhằm đạt hiệu quả cao nhất về kinh tế và môi trường.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Mục tiêu của quản lý bảo vệ rừng
- Đảm bảo năng suất cao và ổn định cho các hệ sinh thái (rừng, đồng ruộng, thủy vực);
- Đảm bảo sử dụng một cách đầy đủ và hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên;
- Làm giảm đến mức thấp nhất những ảnh hưởng xấu của con người và các nhân tố tự nhiên đến sinh quyển và các hệ sinh thái riêng biệt;

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Phòng chống ô nhiễm môi trường;
- Nghiên cứu phục hồi và phát triển không chỉ những giống cây - con quý hiếm và đang có nguy cơ tuyệt chủng, mà còn cả những loài thực vật và động vật có giá trị kinh tế cao.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

(3) Phân chia các loại rừng

- Có ba nhóm:
 - a. rừng sản xuất kinh doanh
 - b. rừng đặc dụng
 - c. rừng phòng hộ.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

a. Nhóm rừng phòng hộ

- Đó là rừng và đất rừng được xác định với mục đích chủ yếu là bảo vệ và nuôi dưỡng nguồn nước, bảo vệ và chống xói mòn đất, hạn chế thiên tai (lũ lụt, hạn hán), góp phần điều hòa khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Các loại rừng phòng hộ
- Rừng phòng hộ đầu nguồn
- ✓ Đó là rừng và đất rừng phân bố trong lưu vực nước được dùng để sản xuất và nuôi dưỡng nguồn nước, điều hòa dòng chảy, hạn chế lũ lụt, hạn hán, góp phần điều hòa khí hậu trong khu vực và vùng hạ lưu.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Rừng phòng hộ ven biển
- Đó là những dải rừng và đất rừng phân bố ven biển được sử dụng vào mục đích chắn sóng, hạn chế gió hại, chắn cát bay, cố định đất, cải tạo đất, bảo vệ làng xóm và các công trình ven biển, tạo môi trường sống có lợi cho các sinh vật trong vùng ngập nước ven biển...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Rừng phòng hộ chống gió hại, chống cát bay
- Đó là những đai rừng được xây dựng nhằm ngăn cản gió hại cây nông công nghiệp, ngăn cản sự di truyền của các cồn cát, bãi cát ven sông và biển, góp phần nâng cao năng suất cây trồng.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Rừng phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái
- Đó là những đai rừng, khóm rừng, hàng cây...phân bố xung quanh các khu dân cư, các xí nghiệp công nghiệp và ven đường giao thông được dùng vào mục đích chắn gió hại, ngăn chặn các chất gây ô nhiễm, điều hòa nhiệt độ và ẩm độ, bảo vệ cây trồng và vật nuôi, tạo lập cảnh quan đẹp...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Rừng lục hóa
- Đó là những lâm phần, khóm rừng, dải cây, hàng cây, vườn cây, thảm cỏ, các bồn hoa... được bố trí sắp xếp theo một trật tự nhất định nhằm góp phần bảo vệ môi trường (chống ô nhiễm, giảm tiếng ồn...), tạo lập cảnh quan đẹp cho các khu dân cư, thành phố, xí nghiệp...
- Loại rừng này có ý nghĩa bảo vệ môi trường, phục hồi sức khỏe, làm tăng giá trị thẩm mỹ cho cảnh quan ở các khu dân cư, các xí nghiệp, trường học, cơ quan hành chính...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

b. Rừng đặc dụng

- Rừng đặc dụng là những khu rừng và đất rừng được quy hoạch nhằm bảo tồn thiên nhiên, xây dựng mẫu chuẩn về hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn nguồn gen động vật và thực vật, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, phục vụ nghiên cứu khoa học và tham quan du lịch...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Các loại rừng đặc dụng
- Vườn quốc gia
- ✓ Đó là những khu đất và không gian mặt nước có ý nghĩa đặc biệt về khoa học và văn hóa như là những cảnh quan tiêu biểu và hiếm, những nơi ở của động - thực vật quý hiếm...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Khu bảo tồn thiên nhiên
- Đó là những khu đất và không gian mặt nước được xác định nhằm bảo vệ những tổng thể tự nhiên và các thành phần của chúng như hệ động - thực vật quý hiếm, hiện tượng địa chất đặc biệt...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Khu tưởng niệm tự nhiên, di tích lịch sử, văn hóa - xã hội, nghiên cứu khoa học
- Đó là những khu đất có giá trị đặc biệt về khoa học, văn hóa - xã hội, thẩm mỹ, tham quan du lịch...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Hiện nay nước ta có hơn 10 vườn quốc gia (Cúc Phương (*Ninh Bình*), Ba Vì (*Hà Tây*), Cát Bà (*Hải Phòng*), Bến En (*Thanh Hóa*), Yokđon (*Đaklak*), Bạch Mã (*Thừa Thiên - Huế*), Cát Tiên (*Đồng Nai*), Ba Bể (*Cao Bằng*)...
- 46 khu bảo tồn thiên nhiên
- 28 khu văn hóa - xã hội và di tích lịch sử...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

c. Rừng sản xuất

- Rừng sản xuất là rừng và đất rừng được sử dụng với mục đích chủ yếu là sản xuất (kinh doanh) các loại lâm sản (gỗ, tre, nứa...); ngoài ra kết hợp phòng hộ và bảo vệ môi trường.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Nhóm rừng sản xuất bao gồm các loại sau đây:
 - ✓ rừng sản xuất gỗ lớn
 - ✓ rừng sản xuất gỗ nhỏ và trung bình
 - ✓ rừng sản xuất tre, nứa
 - ✓ rừng sản xuất các sản phẩm khác ngoài gỗ như dược liệu, mỹ phẩm...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

8.5.4. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG

(1) Các biện pháp quản lý bảo vệ rừng phòng hộ

a. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự mất rừng

- Áp lực của du canh du cư
- Làm nương rẫy
- Khai hoang
- Khai thác gỗ, củi và săn bắn thú rừng
- Gió bão và lũ lụt, xói mòn đất, sâu hại...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

b. Nguyên nhân mất rừng

- ✓ Quy hoạch rừng chưa hợp lý
- ✓ Áp lực của sự phát triển xã hội
- ✓ Sức ép tăng dân số và lương thực
- ✓ Trình độ văn hóa kém
- ✓ Thiếu sự tuyên truyền giáo dục
- ✓ Thiếu hiểu biết về chức năng và vai trò của rừng phòng hộ
- ✓ Sự phát triển của giao thông...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

c. Hậu quả mất rừng

- ✓ Gia tăng nạn xói mòn,
- ✓ Thoái hóa đất,
- ✓ Hạn hán,
- ✓ Lũ, lụt,
- ✓ Giảm năng suất cây trồng nông công nghiệp...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

d. Các biện pháp quản lý bảo vệ rừng phòng hộ

■ Rừng phòng hộ đầu nguồn

● Mục tiêu bảo vệ rừng phòng hộ

- ✓ Bảo vệ và nuôi dưỡng nguồn nước cho các lưu vực sông, hồ, đồng ruộng;
- ✓ Chống xói mòn và thoái hóa đất;
- ✓ Giảm thiểu ảnh hưởng xấu của lũ lụt và bồi lắng các dòng sông, hồ...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Nguyên tắc chung bảo vệ rừng phòng hộ
 - ✓ Quản lý bảo vệ rừng đầu nguồn là thực hiện quy hoạch đất đai hợp lý, bảo vệ và sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên rừng, kiểm soát tốt các chất thải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.
 - ✓ Việc quy hoạch rừng đầu nguồn phải theo những mục đích nhất định.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- **Hệ thống các biện pháp bảo vệ rừng phòng hộ**
 - (a) Trồng rừng và bảo vệ các loại rừng ở nơi xung yếu (địa hình dốc, gần đỉnh đồi núi, ven sông, hồ...).
- **Tiêu chuẩn loài cây trồng rừng:** hệ rễ phát triển mạnh; tán lá thường xanh, rộng và kín; sinh trưởng nhanh và tái sinh tự nhiên tốt; thích nghi tốt với điều kiện khắc nghiệt, sức sống ổn định; có khả năng cải tạo đất; có khả năng cung cấp gỗ và củi...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- (b) Áp dụng hợp lý hệ thống nông lâm kết hợp, duy trì và quản lý tốt đất đồng cỏ.
- (c) Điều chế rừng tự nhiên thích hợp.
- (d) Phát triển tốt các cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển nông - công nghiệp và giao thông hợp lý và toàn diện...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- (e) Giao đất, giao rừng cho dân tham gia quản lý và bảo vệ.
- (f) Tuyên truyền giáo dục và phổ cập cho nhân dân về kiến thức nông - lâm nghiệp, luật bảo vệ và phát triển rừng...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

■ Rừng phòng hộ ven biển

● Mục tiêu

- ✓ Nâng cao khả năng chống gió bão, sóng biển;
- ✓ Tạo sự ổn định và ngăn chặn cát bay;
- ✓ Bảo vệ đồng ruộng, xóm làng, hệ thống giao thông và các công trình ven biển;
- ✓ Kiểm soát và ngăn chặn sự nhiễm bẩn môi trường ven biển...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- **Nhiệm vụ chủ yếu**
 - ✓ Điều tra các nguồn tài nguyên rừng ven biển;
 - ✓ Lập quy hoạch khai thác, sử dụng và phát triển rừng hợp lý;
 - ✓ Kiểm tra các hoạt động khai thác và phát triển rừng;
 - ✓ Ngăn chặn ô nhiễm môi trường ven biển...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Biện pháp bảo vệ
 - ✓ Biện pháp cơ giới
 - ✓ Biện pháp nông học
 - ✓ Biện pháp nông lâm học

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- **Rừng phòng hộ đồng ruộng**
 - **Chức năng:** cải thiện tiểu khí hậu, phòng chống gió hại, bảo vệ đất và nước, góp phần làm ổn định và nâng cao năng suất cây nông nghiệp.
 - **Tác dụng:** ngăn cản gió, cải thiện mực nước ngầm, điều hòa nhiệt độ, tăng cường độ ẩm cho đất bằng cách giảm bốc hơi nước, chống xói mòn đất...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Đai rừng phải có kết cấu kín, bề rộng của nó từ 6-20 m...
- **Tiêu chuẩn cây trồng:** thích nghi tốt với đất và khí hậu địa phương, sinh trưởng nhanh, tán kín, hệ rễ khỏe, sống lâu năm, có khả năng cung cấp gỗ củi...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

■ Rừng lục hóa

- Đó là những đai rừng, công viên rừng, những khóm rừng, dải cây, hàng cây, thảm cỏ, bồn hoa...phân bố trong các khu dân cư, thành phố, xí nghiệp...
- **Chức năng:** bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan đẹp cho thành phố và các khu dân cư.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Biện pháp quản lý bảo vệ rừng lục hóa
 - ✓ Tuyên truyền - giáo dục
 - ✓ Phát triển rừng lục hóa trong các khu dân cư, thành phố và xí nghiệp;
 - ✓ Áp dụng tổng hợp các biện pháp lâm sinh, làm vườn để gây trồng, chăm sóc rừng lục hóa ;
 - ✓ Chọn lọc những loài cây có tác dụng cải thiện môi trường, ngăn chặn chất nhiễm bẩn, tạo cảnh quan đẹp...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

(2) Các biện pháp quản lý bảo vệ rừng đặc dụng

- Thiết lập các phân khu bảo vệ nghiêm ngặt nhằm bảo vệ những loài cây - con quý hiếm; những hiện tượng tự nhiên và văn hóa - xã hội đặc biệt quý; những mẫu chuẩn của tự nhiên.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Xây dựng các phân khu phục hồi những loài cây con quý hiếm có nguy cơ bị tiêu diệt.
- Xây dựng khu vực hành chánh, khu nghiên cứu khoa học, khu tham quan du lịch, nghỉ ngơi...
- Đẩy mạnh các biện pháp tuyên truyền, giáo dục về luật bảo vệ rừng.

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

(3) Các biện pháp quản lý bảo vệ rừng sản xuất

- Mục tiêu

- ✓ Nâng cao năng suất và chất lượng rừng
- ✓ Tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng
- ✓ Ngăn chặn sự suy thoái tài nguyên rừng và môi trường sinh thái...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- Những tác nhân ảnh hưởng:
 - ✓ Phát nương làm rẫy hoặc chuyển đất rừng thành đất canh tác;
 - ✓ Khai thác rừng không đúng kỹ thuật;
 - ✓ Chặt phá rừng lấy gỗ, củi;
 - ✓ Cháy rừng và sâu bệnh hại rừng;
 - ✓ Phát triển dân số nhanh;
 - ✓ Công tác quản lý bảo vệ rừng kém...

8.5. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

- **Biện pháp:**
 - Quy hoạch sử dụng rừng và đất rừng hợp lý,
 - Xây dựng quy trình khai thác - tái sinh rừng hợp lý,
 - Thực hiện tốt các biện pháp nâng cao năng suất rừng,
 - Ngăn chặn xói mòn đất,
 - Ngăn chặn ô nhiễm đất và nước,
 - Ngăn chặn cháy rừng...

Hết Chương 8